

**CÔNG TY TNHH ĐẤT BẮC VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẤT BẮC VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301181321

**3. Ngày thành lập:** 03/08/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ô số 1 LK 35, khu đô thị Singgarden, số 28 đường 6 VSIP Bắc Ninh, Phường Phù  
Chân, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0944 88 89 83

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                      | 3312        |
| 2.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                         | 3320        |
| 3.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                               | 3600        |
| 4.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                   | 3700        |
| 5.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                  | 3811        |
| 6.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                        | 3812        |
| 7.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                        | 3821        |
| 8.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                              | 3822        |
| 9.  | Tái chế phế liệu                                                                                                                | 3830        |
| 10. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                               | 3900        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                          | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                               | 4312        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                           | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                           | 4322        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                  | 4329        |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                  | 4330        |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                             | 4390        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                        | 5221        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                       | 5222        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không                                                                       | 5223        |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                | 5224        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                         | 5225        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                             | 5229        |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                       | 5510        |
| 25. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                              | 5590        |
| 26. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                           | 6810        |
| 27. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất | 6820(Chính) |
| 28. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                  | 7010        |
| 29. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                        | 7020        |
| 30. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                         | 8110        |
| 31. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                           | 8121        |
| 32. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                               | 8129        |
| 33. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                           | 8130        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MẠNH DŨNG  | Việt Nam  | Thôn Phật Tích, Xã Phật Tích, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam   | 1.000.000.000         | 33,333    | 125206810                                                                                               |         |
| 2   | NGUYỄN QUỐC VƯỢNG | Việt Nam  | Thôn Hoài Trung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam   | 1.000.000.000         | 33,334    | 027086002524                                                                                            |         |
| 3   | NGUYỄN ĐỨC QUÂN   | Việt Nam  | Thôn Phật Tích, Xã Phật Tích, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam   | 1.000.000.000         | 33,333    | 125224573                                                                                               |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC VƯỢNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027086002524

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hoài Trung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hoài Trung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh